TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN THÀNH** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2023/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 11 năm 2023
"V/việc tranh chấp về hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Anh Ngọc
Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Thanh – Ông Nguyễn Hữu Tường.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Không tham gia.

Trong ngày 30 tháng 11 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 449/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2023,về việc Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 367/2023/QĐST- HNGĐ ngày 31/10/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số:268/2023/QĐ-HPT ngày 14/11/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh ngày 08/10/1995.
Địa chỉ: xóm T, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An (Có mặt)
- Bị đơn: Anh Dương Văn V, sinh ngày 09/9/1991.
Địa chỉ: xóm T, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An.
(Vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, trình bày tại bản khai và trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa thì vụ án có nội dung.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Dương Văn V cưới nhau vào tháng 8 năm 2015.Trước khi cưới anh chị có quá trình yêu đương tìm hiểu, tự nguyện tiến tới hôn nhân, tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán được sự đồng ý của hai gia đình.Chị N, anh V làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số:79/2015, ngày 12/8/2015.

Theo chị N thì sau kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng không hợp nhau về mọi

mặt, trong cuộc sống chung có nhiều va chạm, xử sự không đúng mực đối với nhau, gây khó chịu cho nhau khi tiếp xúc. Mâu thuẫn xẩy ra ngày càng trầm trọng làm ảnh hưởng đến sức khỏe và tinh thần của chị N.Do mâu thuẫn vợ chồng sâu sắc trầm trọng, không thể duy trì hôn nhân nên chị N , anh V không yêu cầu gia đình hai bên,các tổ chức đoàn thể và chính quyền tổ chức hòa giải cho vợ chồng. Xác định hôn nhân đã đổ vỡ nên chị N đã chủ động sống ly thân cắt đứt các quan hệ đối với anh V từ đầu ngày 10/11/ 2020 cho đến nay. Quá trình sống ly thân chị N, anh V không liên lạc níu kéo hôn nhân. Chị T xác định không còn tình cảm đối với anh Võ n, sợi dây tình cảm hai bên không còn, hôn nhân đã thực đổ vỡ, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Dương Văn V.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung, cháu Dương Nguyễn Bảo T1 (Giới tính: Nữ), sinh ngày 07/11/2015 và cháu Dương Nguyễn Thảo M(Giới tính: Nữ), sinh ngày 04/04/2018.Từ ngày vợ chồng sống ly thân chị N đi làm ăn xa để phát triển kinh tế,không có điềukiện để trực tiếp nuôi con chung, con chung của vợ chồng phát triển tốt về mọi mặt. Do đó con chung được anh V và bên nội trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, thỉnh thoảng chị N đi lại thăm nom, chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Vì lợi ích của con, con chung có nguyện vọng được sinh sống trực tiếp với bố và bên nội, chị N không muốn xáo trộn cuộc sống của con chung, anh hưởng đến tâm lý của con chung. Chị N đề nghị giao con chung cho anh trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng, kể từ tháng 11/2023 cho đến lúc con chung đủ 18 tuổi.

- Về quan hệ tài sản chung: Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Dương Văn V đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, yêu cầu anh có mặt tại tòa án để giải quyết vụ án, nhưng anh không hợp tác, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, nên Tòa án không thu thập được ý kiến, lời khai của bị đơn. Song qua các tài liệu,chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và xác minh tình trạng hôn nhân, con chung chưa thành niên tại địa phương thì về quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung giữa chị Nguyễn Thị N, anh Dương Văn V cơ bản đúng như nguyên đơn đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đều cư trú tại xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An qui định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, yêu cầu nguyên đơn, bị đơn có mặt tại tòa án để giải quyết, nhưng bị đơn không chấp hành, không hợp tác. Do đó Tòa án đã lập biên bản theo trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự làm cơ sở để giải quyết vụ án.

Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy báo tham gia phiên tòa lần thứ nhất đã được niêm yết, tống đạt lệ cho các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử đã Quyết định hoãn phiên tòa, ấn định về thời gian tiếp tục xét xử vụ án.Tòa án tiếp tục tống đạt, hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy báo tham gia phiên tòa lần thứ hai cho các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ hai nguyên đơn có mặt, bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn.

[2]Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện kết hôn, trình tự thủ tục tiến tới hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị N và anh Dương Văn V được các bên thực hiện đúng quy định của pháp luật. Chị N, anh V tự nguyện tiến tới hôn nhân, đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số:79/2015, ngày 12/8/2015, nên xác định hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị N và anh Dương Văn V là hôn nhân hợp pháp.

Mâu thuẫn cơ bản dẫn đến hôn nhân giữa chị N, anh V tan rã, đổ vỡ là do quá trình sống chung, vợ chồng tính tình không hợp, không tìm được tiếng nói, lối đi chung trong hôn nhân. Do đó các bên đã có những lời nói, xử sự không đúng mực với nhau. Hôn nhân giữa chị N, anh V tan rã đổ vỡ kể từ tháng 11/2020. Từ lúc vợ chồng sống ly thân cho đến nay các bên không có ý thức hòa giải, níu kéo hôn nhân. Từ đó cho thấy hôn nhân giữa chị N, anh V đã thực sự tan rã, đổ vỡ, sợi dây gắn kết tình cảm giữa vợ chồng người không còn, mục đích hôn nhân không đạt được như mong muốn của các bên. Nay chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh V là có căn cứ, cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Dương Văn V.

- Về quan hệ con chung: Kể từ tháng năm 2020 đến nay con chung của vợ chồng được anhVõ và bên nội trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, con chung phát triển về mọi mặt. Nay chị N đề nghị giao con chung theo hiện trạng là đúng với pháp luật, phù hợp với đạo đức xã hội và nguyện vọng của con chung. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận về việc đề nghị giao nuôi con của chị Nguyễn Thị N giao hai con chung cho anh V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh V trực tiếp nuôi con chung, chị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung cùng anh V mỗi tháng 2.000.000 đồng là thể người mẹ có trách nhiệm cao đối với con chung, nên cần chấp nhận việc tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung của chị N.

- Về quan hệ tài sản: Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu tòa giải quyết, nên không xem xét giải quyết.
- Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị N phải nộp án phí ly hôn, án phí cấp dưỡng sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 107 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xử:

1.Về quan hệ tình cảm**:** Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Dương Văn V.

2.Về quan hệ con chung: Giao hai con chung cháu Dương Nguyễn Bảo T1 (Giới tính: Nữ), sinh ngày 07/11/2015 và cháu Dương Nguyễn Thảo M(Giới tính: Nữ), sinh ngày 04/04/2018 cho anh Dương Văn V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn của chị Nguyễn Thị N như sau:

Chị Nguyễn Thị N thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Dương Văn V mỗi tháng 2.000.000 đ (Bằng chữ: Hai triệu đồng), mỗi cháu 1.000.000 đ (Một triệu đồng) kể từ tháng 11/2023 cho đến lúc con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày anh Dương Văn V làm đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền nói trên, nếu chị Nguyễn Thị N1 không thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Chị Nguyễn Thị N người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom chăm sóc con chung không được ai cản trở, ngăn cấm.

Vì lợi ích của con các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự: Điều 26: Điều 27 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

- Buộc**:** Chị Nguyễn Thị N nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm. Án phí chị N phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An theo biên lai nộp tiền số: AA/2022/0001155 ngày 02/10/2023, chị N còn phải nộp 300.000 đ (Ba trăm nghì đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm.

4.Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo lên tòa án cấp phúc thẩm trong hạn15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo lên tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã T, huyện Y, Nghệ An và nơi cư trú cuối cùng của bị đơn.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Vũ Anh Ngọc

Nơi nhận:
- Các đương sự,
- VKSND H. Yên Thành.
- CC THA DS H. Yên Thành.
- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND tỉnh Nghệ An
- Lưu HSVA
- UBND xã T(Nơi ĐKKH)